

Số: **M** /2019/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **M** tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích
công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Thực hiện Văn bản số 343/TT.HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái cho ý kiến ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 191/TTr-SLĐTBXH ngày 16/8/2019 về việc đề nghị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2020.

Các nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra văn bản);
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Văn Tiến

QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực
giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **31** /2019/QĐ-UBND ngày **31** /12/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) trên địa bàn tỉnh gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp

1. Các tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này được áp dụng căn cứ vào các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, bố trí sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp căn cứ quy mô đào tạo, ngành, nghề đào tạo, tính chất công việc của chức danh, nhu cầu sử dụng, khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ nhà đất hiện có và mức độ tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để quyết định cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm diện tích các loại công trình như sau:

1. Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật.

2. Giảng đường.

3. Phòng chuẩn bị giảng dạy.

4. Phòng hội đồng.

5. Phòng nghỉ cho nhà giáo.

6. Thư viện.

7. Hội trường (trên 100 chỗ ngồi).

8. Ký túc xá.

9. Nhà ăn (bếp ăn).

10. Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao.

11. Diện tích các phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề đào tạo.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các công trình sự nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật; phòng chuẩn bị giảng dạy; phòng hội đồng; phòng nghỉ cho nhà giáo ở mỗi tầng của khu nhà học được quy định chi tiết như sau:

STT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật	(m ² /phòng)	60	Tối thiểu 48m ² /phòng
2	Phòng chuẩn bị giảng dạy	(m ² /giáo viên)	1,5	Tối thiểu 1,2m ² /giáo viên
3	Phòng hội đồng	(m ² /phòng)	45	Tối thiểu 18m ²
4	Phòng nghỉ cho nhà giáo	(m ² /phòng)	30	Tối thiểu 18m ² /phòng

b) Giảng đường

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các giảng đường căn cứ vào số lượng chỗ ngồi trong giảng đường. Diện tích một chỗ ngồi trong giảng đường tối đa là 1,3m²/chỗ ngồi (tối thiểu 1m²/chỗ ngồi).

c) Thư viện

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong thư viện như sau:

STT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng đọc điện tử (dùng máy tính)	(m ² /chỗ)	3,5	
2	Phòng đọc của cán bộ, giáo viên	(m ² /chỗ)	2,4	Tối thiểu 2m ² /chỗ
3	Phòng đọc của người học	(m ² /chỗ)	2,0	
4	Kho sách	(m ² /1000 đơn vị sách)	2,5	

d) Hội trường (trên 100 chỗ ngồi)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong hội trường được quy định chi tiết như sau:

STT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng khán giả	(m ² /chỗ)	0,8	
2	Sân khấu	(m ² /chỗ)	0,25	Tối thiểu 0,2m ² /chỗ
3	Kho (dụng cụ) sân khấu	(m ² /phòng)	15	Tối thiểu 12m ² /phòng
4	Kho thiết bị dụng cụ	(m ² /chỗ)	0,25	
5	Phòng truyền thanh, hình ảnh	(m ² /phòng)	18	Tối thiểu 15 m ² /phòng
6	Sảnh, hành lang kết hợp chỗ nghỉ	(m ² /chỗ)	0,25	Tối thiểu 0,2m ² /chỗ
7	Phòng diễn viên, phòng thay đồ	(m ² /phòng)	36	Tối thiểu 24m ² /phòng
8	Khu vệ sinh	(m ² /phòng)	8	Tối thiểu 2m ² /phòng

e) Ký túc xá

- Mỗi phòng trong ký túc xá bố trí không quá 8 người; tối đa không quá 40m²/phòng (tiêu chuẩn diện tích tối thiểu là 4m²/người).
- Khu vệ sinh trong mỗi phòng ký túc xá: 8m²/phòng.

f) Nhà ăn (bếp ăn)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các khu vực trong nhà ăn được quy định chi tiết như sau:

STT	Các khu vực trong nhà ăn (bếp ăn)	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Khu vực gia công và kho	(m ² /chỗ)	1,2	Tối thiểu 0,8m ² /chỗ
2	Khu vực ăn và giải khát	(m ² /chỗ)	1,4	Tối thiểu 0,8m ² /chỗ
3	Khu vực hành chính	(m ² /chỗ)	0,8	Tối thiểu 0,2m ² /chỗ
4	Khu vực phục vụ	(m ² /chỗ)	1,3	Tối thiểu 0,5m ² /chỗ

g) Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích khu đất rèn luyện thể chất, thể dục thể thao được tính 2 m²/người học.

2. Nội dung tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề đào tạo được áp dụng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo cho từng ngành, nghề theo các trình độ đào tạo.

3. Các diện tích quy định chi tiết tại quy định này là diện tích tối đa và tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc đầu tư ngân sách thuê công trình sự nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Xây dựng

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy định này.

2. Các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

a) Tham gia ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình sự nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Quản lý, kiểm tra việc chấp hành quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm đối với việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc thuê công trình sự nghiệp thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

2. Trường hợp cần phải điều chỉnh về nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng thì Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp cùng Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các sở, ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình thực hiện và tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo yêu cầu. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Văn Tiến